

Số: 109 /TB-TMH

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá theo kế hoạch mua sắm thuốc, thiết bị y tế cung cấp cho
Nhà thuốc bệnh viện năm 2025 – lần 2

Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương có kế hoạch mua thuốc, thiết bị y tế phục vụ cho hoạt động của nhà thuốc của Bệnh viện. Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương kính mời các đơn vị quan tâm và có đủ khả năng cung cấp sản phẩm theo danh mục tại **Phụ lục 1, Phụ lục 2** gửi hồ sơ theo hướng dẫn tại **Phụ lục 3** về Bệnh viện Tai Mũi Họng TW.

Cụ thể như sau:

1. Cách thức tiếp nhận: Quý đơn vị gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương (Phòng Văn thư – Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương- 78 đường Giải Phóng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội).

Đề nghị gửi 01 bản qua địa chỉ Email: kduoc.tmhtw@gmail.com dưới dạng file pdf biểu mẫu BM05, BM06 (Danh mục báo giá) và 01 file dạng excel BM08, BM10 (Bảng tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ - Nhà thầu tự đánh giá).

2. Thời gian nhận hồ sơ: từ 7 giờ 30 đến 16 giờ 30 các ngày từ ngày 22./5.../2025 đến trước 16 giờ 30 ngày 02/06./2025.

3. Thời hạn có hiệu lực của hồ sơ: tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký.

4. Kết quả lựa chọn sẽ được thông báo công khai trên website của Bệnh viện.

Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương rất mong nhận được sự tham gia, hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Website BV TMHTW;
- Lưu VT, KD.

GIÁM ĐỐC *Phạm Tuấn Cảnh*
BỆNH VIỆN
TAI-MŨI-HỌNG
TRUNG ƯƠNG
Phạm Tuấn Cảnh
Phạm Tuấn Cảnh

Phụ lục I.DANH MỤC KẾ HOẠCH XÉT CHỌN THUỐC PHỤC VỤ CHO NTBv NĂM 2025- LẦN 2

Kèm theo Thông báo số 109/TTr-KD ngày 24 tháng 05 năm 2025

I. Thuốc Biệt dược gốc và tương đương điều trị

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
1	BD01	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	Augmentin 1g	875mg + 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên
2	BD02	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Augmentin 250mg/31,25mg	250mg + 31,25mg	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói
3	BD03	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Augmentin 500mg/62,5mg	500mg + 62,5mg	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói
4	BD04	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Augmentin 625mg tablets	500mg + 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên
5	BD05	Bilastine	Bilaxten	20mg	Viên nén	Uống	Viên
6	BD06	Bilastine	Bilaxten	10mg	Viên nén phân tán trong miệng	Uống	Viên
7	BD07	Budesonide	Pulmicort Respules	500mcg/2ml	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Khí dung	Ổng
8	BD08	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	Meiact 200mg	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
9	BD09	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat tablets 250mg	250mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên
10	BD10	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat Tab 500mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
11	BD11	Clarithromycin	Klacid 250mg	250mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên
12	BD12	Clarithromycin	Klacid MR	500mg	Viên nén giải phóng biến đổi	Uống	Viên
13	BD13	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin Hydrochloride)	Dalacin C	300mg	Viên nang cứng	Uống	Viên
14	BD14	Desloratadin	Aerius	0,5mg/ml	Siro	Uống	Chai/lọ
15	BD15	Desloratadine	Aerius	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
16	BD16	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	Nexium Mups	20mg	Viên nén kháng dịch dạ dày	Uống	Viên
17	BD17	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	Nexium Mups	40mg	Viên nén kháng dịch dạ dày	Uống	Viên
18	BD18	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesi trihydrate)	Nexium	10mg	Cốm kháng dịch dạ dày để pha hỗn dịch uống	Uống	Gói
19	BD19	Fexofenadin HCl	Telfast HD	180mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên
20	BD20	Ginkgo biloba	Cebrex/Tanakan	40mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên
21	BD22	Itoprid hydrochlorid	Elthon 50mg	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên
22	BD23	Levocetirizine dihydrochloride	Xyzal	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên
23	BD24	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Tavanic	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên
24	BD25	Methylprednisolon	Medrol	16mg	Viên nén	Uống	Viên
25	BD26	Methylprednisolon	Medrol	4mg	Viên nén	Uống	Viên
26	BD27	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Solu-Medrol	40mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm/ truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ
27	BD28	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	Singulair	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên
28	BD29	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	Singulair 5mg	5mg	Viên nén nhai	Uống	Viên
29	BD30	Rupatadin (dưới dạng Rupatadine Fumarate)	Rupafin	10mg	Viên nén	Uống	Viên
30	BD31	Sultamicillin (dưới dạng Sultamicillin tosylate)	Unasyn	375mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên
31	BD32	Terbinafine hydrochloride 10mg/1g kem	Lamisil	10mg/1g, tuýp 5mg	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da, tuýp	tuýp
32	BD33	Trimetazidine dihydrochloride	Vastarel MR	35mg	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên
33	BD34	Xylometazoline Hydrochloride	Otrivin	5mg/10ml	Dung dịch nhỏ mũi	Nhỏ mũi	Lọ
34	BD35	Xylometazoline Hydrochloride	Otrivin	10mg/10ml	Thuốc xịt mũi có phân liều	Xịt mũi	Lọ

Tổng số thuốc Biệt Dược gốc: 34

Handwritten signature

II. Thuốc Generic

TT	Mã SP	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng Bào chế	Đơn vị tính	Nhóm
1	GE1	Alginate Natri, Sodium bicarbonate, Calcium carbonate	(500mg + 213mg + 325mg)/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/Nhũ dịch/bột cầm uống	Gói	N1
2	GE2	Alginate Natri, Sodium bicarbonate, Calcium carbonate	(500mg + 160mg + 267mg)/10ml	Uống	Dung dịch/nhũ dịch/hỗn dịch/bột cầm uống	Gói	N4
3	GE3	Ambroxol	15mg/5ml, 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Bột/Cốm/siro	Chai 100ml	N1
4	GE4	Ambroxol	15mg/5ml, 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Bột/Cốm/siro	Chai 100ml	N4
5	GE5	Amoxicilin + Acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	N1
6	GE6	Azelastin hydroclorid; Fluticason propionat	(0,137mg; 0,05mg)/0,137ml; 60 liều	Thuốc xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Chai/Lọ/Ống 60 liều xịt	N4
7	GE7	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống tuýp/gói	N1
8	GE8	Bilastin	20mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	ống/tuýp/gói	N4
9	GE9	Cefdinir	300mg	Uống	Viên	Viên	N2
10	GE10	Cefixim	200mg	Uống	Viên	Viên	N1
11	GE11	Cefpodoxim	200mg	Uống	Viên	Viên	N2
12	GE12	Curcuminoid	250mg	Uống	Viên nang	Viên	N4
13	GE13	Ebastin	10mg	Uống	Viên	Viên	N1
14	GE14	Erdosteine	300mg	Uống	Viên	Viên	N2
15	GE15	Flurbiprofen	8.75mg	Ngậm	Viên ngậm	Viên	N5
16	GE16	Ketotifen (dưới dạng Ketotifen hydrogen fumarat) 1mg	1mg	Uống	Viên nén	Viên	N1
17	GE17	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg	4mg	Uống	Cốm uống	Gói	N1
18	GE18	Povidon Iod	10%/ tuýp 40g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	tuýp	N1

TT	Mã SP	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng Bảo chế	Đơn vị tính	Nhóm
19	GE19	Thiamin nitrat (vitamin B1); Pyridoxin HCl (vitamin B6); Cyanocobalamin (vitamin B12)	100mg + 200mg + 200mcg	Uống	Viên	Viên	N2
20	GE20	Thymomodulin	120mg	Uống	Viên	Viên	N4
21	GE21	Thymomodulin	80mg	Uống	Viên	Viên	N4
22	GE22	Tranexamic	250mg	Uống	Viên	Viên	N1

Tổng thuốc Generic: 22 khoản

Handwritten signature

Phụ lục 2. DANH MỤC KẾ HOẠCH XÉT CHỌN VTYT PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA NTBv NĂM 2025-LẦN 2

Kèm theo Thông báo số 109 /CV-TMH ngày 21 tháng 05 năm 2025

TT	Mã SP	Tên sản phẩm	Tính năng, cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị
1	BRM01	Bộ dụng cụ rửa mũi cho trẻ em	Bộ dụng cụ rửa mũi dành cho trẻ em ≥ 4 tuổi Thành phần: hộp chứa 30 gói muối + bình dụng cụ rửa mũi dung tích 120ml. Thành phần gói muối: Natri clorid + Natri carbonat. Gói muối phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn độ nhiễm khuẩn.	Hộp chứa 1 bộ
2	BRM02	Bộ dụng cụ rửa mũi dung tích 180ml	Bộ dụng cụ rửa mũi Thành phần: hộp chứa 30 gói muối + bình dụng cụ rửa mũi 180ml Thành phần gói muối: Natri clorid + Natri carbonat. Gói muối phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn độ nhiễm khuẩn.	Hộp chứa 1 bộ
3	BRM03	Bộ dụng cụ rửa mũi dung tích 240ml	Bộ dụng cụ rửa mũi cho người lớn Thành phần: hộp chứa 10 gói muối + bình dụng cụ rửa mũi 240ml Thành phần gói muối: Natri clorid + Natri carbonat. Gói muối phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn độ nhiễm khuẩn.	Hộp chứa 1 bộ
4	BRM04	Bộ dụng cụ rửa mũi dung tích 240ml	Bộ dụng cụ rửa mũi cho người lớn Thành phần: hộp chứa 30 gói muối + bình dụng cụ rửa mũi 240ml Thành phần gói muối: Natri clorid + Natri carbonat. Gói muối phải có chỉ tiêu về giới hạn độ nhiễm khuẩn.	Hộp chứa 1 bộ
5	BXM01	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương dùng cho trẻ em dưới 3 tuổi, dung tích 50ml	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương. Bình khí nén, dung dịch chứa trong khoang chứa riêng, không tiếp xúc với khí nén. Thành phần: Nước biển có chứa Sodium Chloride (NaCl: 0,9%) Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 50ml.	Hộp chứa 1 bộ
6	BXM02	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương có chứa đồng, dùng cho trẻ em từ 6 tháng tuổi và người lớn, dung tích 50ml	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương NaCl 0,9%. Dùng cho trẻ em từ 6 tháng tuổi và người lớn. Bình khí nén, dung dịch chứa trong khoang chứa riêng, không tiếp xúc với khí nén. Thành phần: Nước biển có chứa Sodium Chloride (NaCl), bổ sung đồng pentahydrat, nước tinh khiết. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 50ml	Hộp chứa 1 bình
7	BXM03	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương có chứa mangan, dùng cho trẻ em từ 6 tháng tuổi và người lớn, dung tích 50ml	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương NaCl 0,9%. dùng cho trẻ em từ 6 tháng tuổi và người lớn. Bình khí nén, dung dịch chứa trong khoang chứa riêng, không tiếp xúc với khí nén. Thành phần: Nước biển chứa Sodium Chloride (NaCl) bổ sung mangan monohydrat, nước tinh khiết. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 50ml	Hộp chứa 1 bình

Handwritten signature

TT	Mã SP	Tên sản phẩm	Tính năng, cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị
8	BXM04	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương chứa đồng, mangan dung tích dùng cho trẻ em 50ml	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương NaCl 1,9% dùng cho trẻ trên 3 tháng tuổi đến 3 tuổi. Bình khí nén, dung dịch chứa trong khoang chứa riêng, không tiếp xúc với khí nén. Thành phần: Nước biển có chứa Sodium Chloride (NaCl), đồng pentahydrat, mangan monohydrat, nước tinh khiết (vừa đủ). Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 50ml	Hộp chứa 1 bình
9	BXM05	Bình xịt vệ sinh mũi trẻ em ưu trương chứa đồng, mangan dung tích 50ml	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương NaCl 2,3%, dùng cho người lớn và trẻ em trên 3 tuổi. Bình khí nén, dung dịch chứa trong khoang chứa riêng, không tiếp xúc với khí nén. Thành phần: Nước biển chứa Sodium Chloride, có chứa đồng pentahydrat, mangan monohydrat, nước tinh khiết. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn và phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn kèm theo từng lô sản xuất. Dung tích bình: 50ml	Hộp chứa 1 bình
10	BXM06	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương chứa lưu huỳnh, dùng cho trẻ em từ 6 tháng tuổi trở lên, dung tích 50ml	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương NaCl 0,9%. Dùng cho người lớn và trẻ em từ 6 tháng tuổi. Bình khí nén, dung dịch chứa trong khoang chứa riêng, không tiếp xúc với khí nén. Thành phần: Nước biển Sodium Chloride (NaCl), lưu huỳnh, nước tinh khiết Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn và phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn kèm theo từng lô sản xuất. Dung tích bình: 50ml	Hộp chứa 1 bình
11	BXM07	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương dùng cho người lớn và trẻ em từ 3 tuổi trở lên	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương NaCl 0,9%. Dùng cho người lớn và trẻ em từ 3 tuổi trở lên. Bình khí nén, dung dịch chứa trong khoang chứa riêng, không tiếp xúc với khí nén. Thành phần: Nước biển Sodium Chloride (NaCl 0,9%), lưu huỳnh, nước tinh khiết Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 50ml	Hộp chứa 1 bình
12	BXM08	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương dung tích 75ml	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương NaCl 2,4%, hệ thống phun sương Thành phần: Sodium chloride, copper II sulfate pentahydrate, zinc sulfate heptahydrate, benzalkonium chloride, propylene glycol, nước biển sâu, các nguyên tố vi lượng khác (nếu có) Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn và phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn kèm theo từng lô sản xuất. Dung tích bình: 75ml	Hộp chứa 1 bình
13	BXM09	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương dùng cho người lớn dung tích 75ml	Bình xịt chứa dung dịch đẳng trương NaCl 0,9% vệ sinh mũi dùng cho người lớn. Thành phần: Sodium chloride, potassium chloride, propylene glycol, menthoxypropane diol, menthol carboxamide, benzalkonium chloride, copper II sulfate pentahydrate, zinc sulfate heptahydrate, tinh dầu bạc hà, camphor, ethanol, nước biển sâu, các nguyên tố vi lượng khác (nếu có). Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn và phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn kèm theo từng lô sản xuất. Dung tích bình: 75ml	Hộp chứa 1 bình

TT	Mã SP	Tên sản phẩm	Tính năng, cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị
14	BXM10	Bình xịt vệ sinh mũi dùng cho trẻ em từ 6-12 tuổi, dung tích 75ml	Bình xịt chứa dung dịch đẳng trương vệ sinh mũi dùng cho trẻ em từ 6 đến 12 tuổi. Bình nhôm, hệ phun sương, áp suất trung bình 6,5-7,0 kg/cm ² Thành phần: Sodium chloride, potassium chloride, copper II sulfate pentahydrate, zinc sulfate heptahydrate, benzalkonium chloride, propylene glycol, nước biển sâu, các nguyên tố vi lượng khác (nếu có). Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 75ml	Hộp chứa 1 bình
15	BXM11	Bình xịt vệ sinh mũi dùng cho trẻ em dưới 6 tuổi, dung tích 50ml	Bình xịt chứa dung dịch đẳng trương vệ sinh mũi dùng cho trẻ em dưới 6 tuổi. Bình nhôm, hệ phun sương, áp suất thấp 5,5-6,0 kg/cm ² Thành phần: Sodium chloride, potassium chloride, copper II sulfate pentahydrate, zinc sulfate heptahydrate, benzalkonium chloride, propylene glycol, nước biển sâu, các nguyên tố vi lượng khác (nếu có). Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn và phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn kèm theo từng lô sản xuất. Dung tích bình: 50ml	Hộp chứa 1 bình
16	BXM12	Bình xịt vệ sinh mũi dùng cho trẻ em dung tích 75ml	Bình xịt chứa dung dịch đẳng trương vệ sinh mũi dùng cho trẻ em từ 6 đến 12 tuổi. Bình nhôm, hệ phun sương, áp suất cao 7,5-8,0 kg/cm ² Thành phần: Sodium chloride, potassium chloride, copper II sulfate pentahydrate, zinc sulfate heptahydrate, polysorbate 80, tinh dầu bạc hà, L-menthol, sodium benzoate, benzalkonium chloride, aloe vera, allantoin, nước biển sâu, các nguyên tố vi lượng khác (nếu có) Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 75ml	Hộp chứa 1 bình
17	BXM13	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương dung tích 75ml	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương. Bình nhôm, van 1 chiều dạng phun sương siêu mịn. Thành phần: Sodium Chloride (NaCl) 0,9%. Sodium Bicarbonate. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 75ml	Hộp chứa 1 bình
18	BXM14	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương, dùng cho người lớn và trẻ em, dung tích 100ml	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương NaCl 0,9%, dùng cho người lớn và trẻ em. Bình nhôm, xịt với áp suất khí nén, dung dịch chứa trong khoang chứa riêng, hệ thống phun sương vi hạt. Thành phần: Sodium Chloride (NaCl), Sodium Bicarbonate Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn và phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn kèm theo từng lô sản xuất. Dung tích bình: 100ml	Hộp chứa 1 bình

TT	Mã SP	Tên sản phẩm	Tính năng, cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị
19	BXM15	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương dùng cho trẻ em 1,9% dung tích 100ml	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương. Bình nhôm, xịt với áp suất khí nén, dung dịch chứa trong khoang chứa riêng, hệ thống phun sương vi hạt. Thành phần: Sodium Chloride (NaCl 1,9%), Sodium Bicarbonate, nguyên tố vi lượng, glycerin, benzalkonium chloride Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 100ml	Hộp chứa 1 bình
20	BXM16	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương 2,3% dung tích 100ml	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương. Bình nhôm, xịt với áp suất khí nén, dung dịch chứa trong khoang chứa riêng, hệ thống phun sương vi hạt. Thành phần: Sodium Chloride (NaCl 2,3%), Sodium Bicarbonate, nguyên tố vi lượng, glycerin, benzalkonium chloride Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 100ml	Hộp chứa 1 bình
21	BXM17	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương dung tích 100ml	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương NaCl 0,9% Bình nhôm, xịt với áp suất khí nén, hệ thống phun sương siêu mịn, van một chiều. Thành phần: Nước biển chứa NaCl. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 100ml	Hộp chứa 1 bình
22	BXM18	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương dung tích 100ml	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương. Bình nhôm, xịt với áp suất khí nén, hệ thống phun sương vi hạt. Thành phần: Nước biển chứa Sodium Chloride (NaCl 2,1%), Sodium Bicarbonate, dịch chiết Lô hội (Aloe Vera), dịch chiết Cúc la mã (Camomile), các nguyên tố vi lượng (nếu có) Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 100ml	Hộp chứa 1 bình
23	BXM19	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương, dùng cho trẻ em và trẻ sơ sinh, dung tích 120ml	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương NaCl 0,9%. Dùng cho trẻ em và trẻ sơ sinh. Bình nhôm, xịt với áp suất khí nén, hệ thống phun sương siêu mịn. Thành phần: Nước biển chứa NaCl (0,9%) dịch chiết Lô hội (Aloe Vera), dịch chiết Cúc la mã (Chamomile), nước tinh khiết. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 120 ml	Hộp chứa 1 bình
24	BXM20	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương dùng cho người lớn và trẻ em trên 6 tuổi, dung tích 120ml	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương NaCl 2,5%. Dùng cho người lớn và trẻ em trên 6 tuổi Bình nhôm, xịt với áp suất khí nén, hệ thống phun sương siêu mịn. Thành phần: Nước biển chứa NaCl (2,5%), dịch chiết Lô hội (Aloe Vera), dịch chiết Cúc la mã (Chamomile), nước tinh khiết. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 120ml	Hộp chứa 1 bình

Handwritten signature

TT	Mã SP	Tên sản phẩm	Tính năng, cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị
25	BXM21	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương dung cho người lớn, dung tích 125ml	Bình xịt vệ sinh mũi ưu trương NaCl 2,5%. Bình nhôm, xịt với áp suất khí nén, hệ thống phun sương vi hạt. Thành phần: Nước biển chứa Sodium Chloride (NaCl 2,5%), Sodium Bicarbonate. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 125 ml	Hộp chứa 1 bình
26	BXM22	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương chứa đồng, kẽm dung tích 125ml	Bình xịt vệ sinh mũi đẳng trương NaCl 0,9%. Bình nhôm, xịt với áp suất khí nén, hệ thống phun sương vi hạt. Thành phần: Nước biển chứa Sodium Chloride (NaCl 0,9%), các nguyên tố vi lượng. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Dung tích bình: 125 ml	Hộp chứa 1 bình
27	GXM01	Gel xịt giữ ẩm mũi	Gel xịt giữ ẩm, chống khô mũi trong các trường hợp bệnh lý hoặc bệnh nhân dùng máy thở. Thành phần chính: Sodium Chloride; Sodium Bicarbonate; Sodium Hyaluronate; Dịch chiết lô hội (Aloe Vera) và các chất khác (nếu có). Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Thể tích: 30ml	Hộp chứa 1 bình
28	GM01	Gói muối pha dung dịch đẳng trương cho trẻ em	Gói muối pha dung dịch đẳng trương cho bình dung tích 120ml. Thành phần: NaCl + NaHCO ₃ . Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn.	Gói
29	GM02	Gói muối pha dung dịch đẳng trương cho bình dung tích trung bình	Gói muối pha dung dịch đẳng trương cho bình dung tích 180ml. Thành phần: NaCl + NaHCO ₃ . Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn.	Gói
30	GM03	Gói muối pha dung dịch đẳng trương cho bình dung tích 240ml	Gói muối pha dung dịch đẳng trương cho bình dung tích 240ml. Thành phần: NaCl + NaHCO ₃ . Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn.	Gói
31	SM01	Dung dịch súc miệng, làm sạch khoang miệng, chứa clohexidine thể tích 350ml	Dung dịch súc miệng, làm sạch khoang miệng Thành phần: Clohexidine gluconate 1,2%, Xylitol, Sorbitol, Glycerin, Potassium Sorbate, Menthol, Sucralose, PEG 40. Các thành phần khác (nếu có). Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Thể tích: 350ml	Hộp 1 chai
32	SM02	Dung dịch súc miệng, làm sạch khoang miệng chứa clohexidine thể tích 350ml	Dung dịch súc miệng, làm sạch khoang miệng Thành phần: Natri borat, Natri Bicarbonat, Nano silver, Polyethylene glycol 40. Các chất khác (tinh dầu, menthol, xylitol...) nếu có. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Thể tích: 300ml	Hộp 1 chai

TT	Mã SP	Tên sản phẩm	Tính năng, cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị
33	VET01	Gel bôi vết thương, hỗ trợ điều trị vết thương hở	Gel bôi giúp nhanh liền sẹo, chống sẹo lồi. Thành phần: Acid Hyaluronic, Octyldodecanol, Cetearyl, Ethylhexanoate, Ceteareth-25. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Tuýp 15g	tuýp 15g
34	VET02	Gel bôi vết thương, hỗ trợ điều trị vết thương hở	Gel bôi giúp nhanh liền sẹo, chống sẹo lồi. Thành phần: Dimethicon; Viny Dimethicon Crosspolymer, Decamethyltetrasiloxane, Ascoylpalmitate. Sản phẩm phải có chỉ tiêu chất lượng về giới hạn nhiễm khuẩn. Tuýp 15ml	tuýp 15ml
35	VET03	Tấm lưới trong suốt bảo vệ vết thương hở	Băng dán giảm đau và tổn thương vết thương khi thay băng, giảm số lần thay băng gạc. Có cấu trúc lưới Polyurethane trong suốt cho phép quan sát vết thương tại chỗ, thoát dịch tiết đến gạc thấm hút bên ngoài, cho phép các chế phẩm dùng tại chỗ thấm vào vết thương. Có thể lưu lại trên vết thương 14 ngày. Kích thước 10 x 18cm.	Miếng
36	VET04	Dung dịch rửa vết thương, làm sạch và cấp ẩm vết thương, dung tích 250ml	Dung dịch rửa vết thương, làm sạch và cấp ẩm vết thương. Thành phần: NaCl, nước, natri hypochlorite (NAOCl); axit Hypochlorous (HOCl). Thể tích: 250ml	Chai/túi/gói 250ml
37	VET05	Dung dịch rửa vết thương, làm sạch và cấp ẩm vết thương, dung tích 500ml	Dung dịch rửa vết thương, làm sạch và cấp ẩm vết thương. Thành phần: NaCl, nước, natri hypochlorite (NAOCl); axit Hypochlorous (HOCl). Thể tích: 500ml	chai/túi/gói 500ml

Tổng số: 37 khoản

Handwritten signature

Phụ lục 3: Yêu cầu hồ sơ kèm theo báo giá thuốc/TBYT**DANH SÁCH HỒ SƠ KÈM THEO DANH MỤC THUỐC**

TT	Tên tài liệu	Ghi chú
1	Danh mục thuốc báo giá dự kiến cung cấp cho NTB (theo mẫu)	(BM.05)
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Bản công chứng
3	GDP còn hiệu lực hoặc phiếu tiếp nhận đã nộp hồ sơ đăng ký cấp lại	Bản công chứng
4	Đăng ký kinh doanh	Bản công chứng
5	Quyết định phê duyệt kết quả trúng thầu qua đấu thầu rộng rãi/ hoặc Thông báo kết quả trúng thầu hoặc Hợp đồng ký theo kết quả trúng thầu rộng rãi.	Bản có dấu của công ty
6	Bảng tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ của thuốc – Nhà thầu tự đánh giá	Bản có dấu của công ty + File excel (BM 08)
7	Cam kết của đơn vị (theo mẫu)	(BM.11)
8	Các tài liệu khác (nếu có)	

DANH SÁCH YÊU CẦU HỒ SƠ KÈM THEO DANH MỤC TBYT

TT	Tên tài liệu	Ghi chú
1	Danh mục TBYT báo giá dự kiến cung cấp cho NTB (theo mẫu)	(BM.06)
2	Công bố cơ sở đủ điều kiện phân loại TBYT	Bản công bố, có dấu xác nhận của công ty
4	Đăng ký kinh doanh	Bản công chứng
5	Sổ công bố TBYT/Mô tả tóm tắt sản phẩm/Nhãn sản phẩm	Bản công bố, có dấu xác nhận của công ty
6	Tiêu chuẩn công bố và Phiếu phân tích/Phiếu kiểm nghiệm lô sản phẩm TBYT	Bản công bố, có dấu của công ty
7	Quyết định phê duyệt kết quả trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc Thông báo kết quả trúng thầu hoặc Hợp đồng thực hiện kết quả đấu thầu rộng rãi (nếu có)	Bản sao có dấu xác nhận của công ty
8	Bảng tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ của TBYT – Nhà thầu tự đánh giá	Bản có dấu của công ty + File excel (BM 10)
9	Cam kết của đơn vị (theo mẫu)	(BM.11)
10	Các tài liệu khác (nếu có): tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm, chất lượng sản phẩm, hóa đơn bán hàng...	

Handwritten signature

BM.05. Danh mục thuốc kèm theo báo giá dự kiến cung cấp cho NTB

DANH MỤC THUỐC KÈM BÁO GIÁ DỰ KIẾN CUNG CẤP CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN

Theo nội dung thông báo số /TB-TMH ngày tháng năm 2025

Tên đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

MST:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Địa chỉ:.....

ĐT:.....

Kính gửi: Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung Ương

(Tên đơn vị).....xin gửi Danh mục thuốc kèm báo giá dự kiến cung cấp cho Nhà thuốc bệnh viện như sau:

Số TT	Mã thuốc mời chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/N ước sản xuất	Nhóm T CKT	SDK hoặc GPNK	Thông tin kết quả thầu tham chiếu (gửi kèm)				Đơn giá đề nghị cung cấp
												Số QĐ/ HĐ	Đơn vị trúng thầu	Hạn hiệu lực thầu (đến ngày.../ .../...)	Đơn giá trúng thầu	

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Handwritten signature



BM06. Danh mục VTYT kèm báo giá dự kiến cung cấp cho NTBV

DANH MỤC VTYT KÈM BÁO GIÁ DỰ KIẾN CUNG CẤP CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN

Theo nội dung thông báo số /TB-TMH ngày tháng năm 2025

Tên đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

MST:.....

Địa chỉ:.....

ĐT:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung Ương

(Tên đơn vị).....xin gửi Danh mục sản phẩm VTYT kèm báo giá dự kiến cung cấp cho Nhà thuốc bệnh viện như sau:

Số TT	Mã vật tư mới chào giá	Tên thuốc	Tên sản phẩm	Thành phần	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/ước sản xuất	Số công bố VT/TB YT	Số hợp đồng tham chiếu (nếu có)	Đơn giá theo kết quả thầu tham chiếu (nếu có)	Số lượng tại kết quả thầu tham chiếu (nếu có)	Đơn giá đề nghị cung cấp

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hand

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA THUỐC
(Nhà thầu tự đánh giá)

Theo nội dung thông báo số /TB-TMH ngày tháng năm 20....

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Tên đơn vị:.....
MST:.....
Địa chỉ:
ĐT:.....

STT	Mã thuốc môn chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/Nguồn gốc xuất xứ	Nhóm TC KT	SDK hoặc GPNK	Thông tin kết quả thầu tham chiếu (tính kèm)				Tên thuốc/SDK, hàm lượng, nồng độ, DBC, đường dùng, nhóm kỹ thuật dùng DM thuốc thông báo môn chào giá	Tên thuốc/SDK, hàm lượng, nồng độ, DBC, đường dùng, nhóm kỹ thuật dùng, kết quả trúng thầu (tham chiếu)	Đơn vị báo giá là đơn vị trong KQ	Kết quả trúng thầu chiếm hợp tại BV tuyến tỉnh và địa phương	So sánh với giá thuốc trúng thầu đang thực hiện tại ĐHTW	So sánh với giá thuốc thuộc các nhóm TC/KT đã trúng thầu được công bố (nếu có)	Tên cơ sở phân phối
											Số QD/HĐ	Đơn vị trúng thầu	Hạn hợp lực thầu (đến ngày...)	Đơn giá trúng thầu							
1	GE01	...																			
2	...																				

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Handwritten signature

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA VT/TBYT

(Nhà thầu tự đánh giá)

Theo nội dung thông báo số /TB-TMH ngày tháng năm 20....

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Tên đơn vị:.....
MST:.....
Đ/chi:
ĐT:.....

STT	Mã vật tư mời chào giá	Tên sản phẩm	Thành phần	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/Nước sản xuất	Số công bố VT/TBYT	Số hợp đồng tham chiếu (nếu có)	Đơn giá theo kết quả thầu tham chiếu (nếu có)	Số lượng tại kết quả thầu tham chiếu (nếu có)	Đơn giá đề nghị cung cấp	Đúng với thông tin sản phẩm đã được công bố VT/TBYT	Tên, thành phần, tính năng kỹ thuật cơ bản, dùng DM thông báo mời chào giá	Tiêu chuẩn công bố và Phiếu phân tích/Phiếu u kiểm nghiệm lô sản phẩm đáp ứng	Thuộc dài giá trúng thầu rộng rãi đã công bố hoặc dài giá đang bán trên thị trường	So sánh giá với giá các sản phẩm có cùng tính năng (nếu có)	Tên cơ sở gửi báo giá
1	BRM	...																
2	...																	

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Handwritten signature

Tên đơn vị:.....

MST:.....

Đ/chỉ:

Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

....., ngày tháng năm 20

BẢN CAM KẾT

Sau khi nghiên cứu thông báo số /... của Bệnh viện mời tham dự xét chọn thuốc/VTYT phục vụ cho hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện, chúng tôi xin cam kết và thực hiện đầy đủ những nội dung theo yêu cầu như sau:

1. Thông tin, tài liệu tham dự xét chọn chính xác, đúng quy định của pháp luật.
2. Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ về số lượng thuốc/VTYT, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, mỗi lô sản phẩm có kèm theo Phiếu kiểm nghiệm/Phiếu phân tích hoặc Phiếu báo lô đạt tiêu chuẩn đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng.
3. Trong trường hợp giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hay hồ sơ gia hạn hiệu lực số đăng ký của thuốc tham dự thầu bị hết hạn, chúng tôi xin đảm bảo sẽ cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tuân thủ theo đúng các quy định.
4. Bảo quản và phân phối thuốc đảm bảo đúng yêu cầu quy định về GSP, GDP trong suốt quá trình vận chuyển tới kho của các cơ sở y tế trên địa bàn cả nước.
5. Về hạn sử dụng của thuốc tại thời điểm giao hàng:
Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Chủ đầu tư quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên, phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân.
6. Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã chào thầu, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu, đơn vị ký hợp đồng hay cơ sở y tế và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho đơn vị, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.
7. Điều chỉnh hạ giá để đảm bảo:
 - Giá bán thuốc/TBYT không cao hơn giá trúng thầu của thuốc/TBYT trên địa bàn; không cao hơn giá thuốc/TBYT trúng thầu tại chính bệnh viện, không cao hơn giá thuốc trúng thầu tập trung quốc gia và tập trung tại địa phương.
 - Không cao hơn giá bán buôn kê khai. Trường hợp không điều chỉnh giá bán thì công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm đền bù chênh lệch giá đối với lượng hàng hóa đã bán.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

